

Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Nguyễn Thanh Phong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật được các di dân Hoa Nam truyền sang Nam Bộ Việt Nam vào đầu thế kỷ XIX, sau đó ảnh hưởng đến một số nhân vật lịch sử đương thời như Tô Quang Xuân, Hà Minh Nhựt, Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi, Tà Ponl, Nguyễn Phước Thứ, v.v., góp phần thúc đẩy sự ra đời của các tôn giáo nội sinh miền Tây Nam Bộ như đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, v.v. Người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Đức Bồn Sư Ngô Lợi, đã tiếp nhận ảnh hưởng của tín ngưỡng này, ngoài thể hiện qua hệ thống kinh sách có quan hệ mật thiết về mặt truyền bản với *Kinh Ngũ Công* của Trung Quốc, còn qua một loạt các nghi thức nhập đạo lần thờ cúng, lễ bái, sinh hoạt tôn giáo thường nhật. Ngoài ra, tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật cũng trở thành điểm tựa tinh thần quan trọng trong phong trào đấu tranh chống Pháp của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương và tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa vào nửa cuối thế kỷ XIX. Để làm rõ những nội dung trên, chúng tôi đã kế thừa thành quả nghiên cứu của người đi trước, tham cứu kinh điển và thư tịch Hán Nôm của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính thông qua điều tra điển dã các cơ sở thờ tự và phỏng vấn sâu các tín đồ cao niên. Từ đó, bài viết làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Việt Nam và tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật của Trung Quốc.

Từ khóa: tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật, Kinh Ngũ Công, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Ngô Lợi

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật là một tín ngưỡng dân gian được hình thành trên nền tảng giáo lý ban đầu của quyển *Kinh Ngũ Công* (五公經, *Ngũ Công Kinh*) có nguồn gốc từ Trung Quốc. Nhiều nghiên cứu của học giả Trung Quốc xác định, quyển kinh này ra đời vào thời Ngũ Đại Thập Quốc ở vùng duyên hải tỉnh Chiết Giang. Tuy nhiên, tác giả đích thực là ai hiện tại vẫn còn nhiều ý kiến tranh cãi. Có ý kiến cho rằng quyển kinh do Tiền Liêu (錢鏐, 852-932), sau này là quốc vương lập ra nước Ngô Việt (吳越, 907-978), sai thuộc hạ của mình viết ra vào năm Can Ninh thứ tư (903) đời vua Đường Chiêu Tông để chuẩn bị dư luận cho cuộc nổi dậy giành chính quyền của ông. Cũng có ý kiến cho rằng, quyển kinh do các đạo sĩ khuyết danh soạn ra để thao túng dư luận cho cuộc khởi loạn Đồng Xương (董昌, 846-896) cuối đời Đường.

Đây là quyển kinh thuộc dòng kinh sách khuyến thiện (thiện thư) lưu hành trong dân gian ở Trung Quốc. Nội dung quyển kinh là những lời sấm vĩ tiên tri về thời kỳ mạt kiếp sắp diễn ra trên thế gian và khuyến huấn người đời gấp rút tu hành để thoát khỏi kiếp nạn. Theo ghi chép trong kinh, Ngũ Công bổ tát, hay Ngũ

Công Vương Phật, họp mặt nhau trên núi Thiên Thai (Chiết Giang) để truyền dạy quyển kinh này, nhằm mục đích dự báo tai ách, cảnh tỉnh thế nhân và khuyến thiện tu hành; đồng thời, họ có sứ mệnh giáng hạ trần gian giáo hóa và cứu độ chúng sanh trước cảnh hạ ngươn mạt kiếp. Ngũ Công Vương Phật bao gồm năm vị phật (có chỗ ghi bổ tát) có danh xưng lần lượt là Chí Công Vương Phật, Lăng Công Vương Phật, Bửu Công Vương Phật, Hóa Công Vương Phật, Đường Công Vương Phật; hoàn toàn là những vị phật mới lạ so với các vị phật, bổ tát được ghi chép trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy lẫn kinh điển Phật giáo Đại thừa trước đó. Phần cuối quyển kinh cũng đính kèm nhiều đạo bùa của từng vị và của chung năm vị trong Ngũ Công Vương Phật. Điều này khiến cho nhiều học giả xếp kinh này vào danh mục kinh sách Đạo giáo, thuộc nhóm kinh khuyến thiện phái sinh về sau, thậm chí có người xếp vào nhóm “ngụy kinh”, tức kinh sách ngụy tạo của giới đạo sĩ hoặc tăng lữ dân gian phi chính thống, không đúng với nguồn mạch giáo lý Đạo giáo lẫn Phật giáo.

Do quyển kinh rao giảng thuyết hạ ngươn mạt kiếp, tiên đoán tận thế sắp diễn ra, thiên hạ nảy sinh chiến tranh loạn lạc, thiên tai địa ách trùng trùng bủa giăng, dịch bệnh lan tràn gây chết người vô kể, đến năm Dân

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thanh Phong, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyenthanhphong@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 07-11-2025
- Ngày sửa đổi: 12-02-2026
- Ngày chấp nhận: 31-08-2026
- Ngày đăng: 25-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1258>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Phong N.T. Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(3):3980-3989.

Mão có vị minh vương xuất thế, dẹp yên chiến loạn, xây dựng kỷ nguyên thái bình thịnh trị trên thế gian này, v.v., nên dễ khiến người đọc hoang mang lo lắng, hình thành tâm lý chán ngán thời cuộc, bất hợp tác với chính quyền, trông chờ sự xuất hiện của vị vua mới và một cảnh đời thượng nguơn mới. Vô hình trung, với những tín hiệu mơ hồ và huyền hoặc này, quyền kinh đã gián tiếp phủ nhận tính chính danh của chính quyền đương cuộc, uy hiếp quyền lực cai trị của nhà vua, nên bị triều đình các thời Tống, Nguyên, Minh, Thanh cấm đoán sao chép và lưu hành. Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật vì vậy cũng không được phép thực hành và phổ biến công khai, chỉ có thể lưu hành nội bộ trong các giáo phái dân gian, các tôn giáo bí mật và hội kín ở khu vực duyên hải Hoa Nam (Trung Quốc). Đến triều Thanh, trong bầu không khí “phản Thanh phục Minh” đang trỗi dậy, *Kinh Ngũ Công* và tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật lại có dịp lan truyền rộng rãi, bị triều đình nhà Thanh ra sức truy quét dập tắt vì sợ cổ xúy cho những cuộc khởi loạn. Một số nhân sĩ tôn giáo bí mật và hội kín ở khu vực Hoa Nam đã theo hai đường thủy lục tháo chạy sang các nước Đông Nam Á để lánh nạn, một bộ phận trong số đó đã đến vùng đất Nam Bộ của Việt Nam.

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật từ khi nào được truyền đến Việt Nam, trước mắt vẫn là câu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng. Tuy nhiên, những bằng chứng chúng tôi có được đến thời điểm hiện tại cho thấy tín ngưỡng này đã xuất hiện ở Nam Bộ từ rất sớm vào khoảng đầu thế kỷ XIX. Những nhân vật đầu tiên tiếp nhận tư tưởng mật kiếp của *Kinh Ngũ Công* có thể kể đến là Tô Quang Xuân (người kiến lập chùa Phật Tổ, Cà Mau), Hà Minh Nhứt (người kiến lập chùa An Long, Chợ Mới, An Giang), Đoàn Minh Huyền (Phật Thầy Tây An, người sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương), Ngô Lợi (người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa), v.v. Quyền kinh chữ Hán này cũng được dịch sang chữ Nôm và lưu hành rộng rãi trong dân gian với tên gọi là *Kinh Năm Ông* thông qua phương thức truyền bá chính là truyền miệng. Chính vì vậy, cũng giống như khi được lưu truyền ở Trung Quốc, quyền kinh cũng đã tạo nên nhiều truyền bản khác nhau ở Việt Nam. Ngoài diễn dịch nguyên văn quyền kinh, tư tưởng mật kiếp của *Kinh Ngũ Công* cũng được hấp thu và đan cài khéo léo vào thơ ca dân gian đương thời, hình thành nên dòng thơ ca sấm truyền (sấm giảng) trường thiên mang tính dự đoán, tiên tri về thời cuộc, trở thành kinh điển chính thức của nhiều giáo phái dân gian mà giới nghiên cứu gọi là tôn giáo nội sinh hay tôn giáo bản địa Nam Bộ.

Nhà nghiên cứu đầu tiên chỉ ra sự tiếp nhận tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong các tôn giáo nội

sinh của Nam Bộ là giáo sư Nhật Bản Takeuchi Fusaji (武内房司). Từ năm 2013 đến năm 2019, ông liên tục xuất bản ba bài viết quan trọng là: “Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Việt Nam và *Kinh Ngũ Công*: bàn về sự giao lưu tôn giáo dân gian Trung - Việt thời cận đại”¹, “Thiên Địa hội ở Nam Bộ Việt Nam: Văn hóa chính trị ở Việt Nam thời cận đại qua một phong trào dân chúng”², “Khảo về đạo Bửu Sơn Kỳ Hương: thuyết ‘vương quốc ngàn năm’ của Trung Quốc và tôn giáo dân gian ở Nam Bộ Việt Nam”³. Từ góc nhìn toàn cảnh của khu vực Đông Á, nắm vững nguồn mạch phát triển của các tôn giáo dân gian và các phong trào vận động chính trị diễn ra ở Trung Quốc thời cận đại, tác giả Takeuchi Fusaji đã liên hệ với các tôn giáo bản địa Nam Bộ, nhờ đó phát hiện đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật. Cũng vì lẽ này, các đoàn thể tôn giáo nội sinh Nam Bộ rất tích cực tham gia các phong trào vận động tôn giáo chống Pháp để hộ quốc an dân, nên bị chính quyền thực dân thẳng tay đàn áp.

Vĩnh Thông là một trong số rất ít ỏi các nhà nghiên cứu quan tâm đến tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong các tôn giáo nội sinh Nam Bộ. Trong bài viết “Tục thờ Năm Ông của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa”, tác giả này đã tập trung bàn luận về nguồn gốc đối tượng tín ngưỡng, hình thức thực hành tín ngưỡng và một số biểu hiện khác của tục thờ này trong tín đồ hai giáo phái nói trên. Vĩnh Thông chỉ ra chính xác danh xưng của Năm Ông là Chí Công Vương Phật, Lãng Công Vương Phật, Bửu Công Vương Phật, Hóa Công Vương Phật, Đường Công Vương Phật; tuy nhiên lại đồng nhất năm vị phật trên với “năm vị tướng của Trung Hoa thời Tam Quốc được người đời sau tôn thờ là Quan Công, Quan Bình, Châu Xương, Trương Tiên và Vương Thiên Quân”. Về đặc điểm thực hành tín ngưỡng Năm Ông trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tác giả Vĩnh Thông cũng đề cập nhiều nội dung liên quan đến việc thờ tự, cúng bái Năm Ông tại nhà riêng tín đồ, một số điều kiêng kỵ trong lời ăn tiếng nói thường ngày và việc vận dụng bùa Năm Ông để hun đúc sĩ khí của nghĩa quân chống Pháp dưới sự lãnh đạo của vị giáo chủ tôn giáo này⁴. Đây là những gợi mở quan trọng để chúng tôi khai thác sâu hơn trong bài viết.

Ngoài ra, trên tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* số 10 năm 2018, chúng tôi cũng đã công bố bài viết “Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương” để giới thiệu về tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật ở khu vực Hoa Nam (Trung Quốc) và con đường lưu truyền của nó đến Nam Bộ Việt Nam, đồng thời chỉ ra sự ảnh hưởng của tín ngưỡng này đến đạo Bửu Sơn Kỳ Hương qua việc Đoàn Minh Huyền dùng bùa Ngũ Công để trị bệnh độ chúng, qua cuốn

Kinh Năm Ông - một quyển kinh quan trọng trong hệ thống kinh sách của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, qua tục thờ cúng Năm Ông Thê của đạo này cũng như việc thực hành các nghi thức lễ bái Năm Ông trong tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương. Nhiều điểm tương đồng trong tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật nêu trên sẽ được lập lại trong bài viết này⁵. Bên cạnh đó, trong bài viết mang tên “Hiện tượng ‘gian đạo sĩ’ ở Nam Bộ thế kỷ 19” đăng trên tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo* số 03 năm 2019, chúng tôi đã xác định điểm tương đồng của các nhân vật bị chính quyền triều Nguyễn và thực dân Pháp gọi là “gian đạo sĩ” như Tô Quang Xuân, Hà Minh Nhựt, Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi, Tà Pól, Trần Văn Thành, là ở chỗ các ông đạo này đều rao giảng giáo thuyết *Kinh Ngũ Công* và tôn thờ Năm Ông. Điều này góp phần chứng minh tín ngưỡng này đã lưu truyền rộng rãi ở nhiều nơi của Nam Bộ và ảnh hưởng lâu dài suốt hàng trăm năm, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có phần tham gia vào việc nối dài nguồn mạch lưu truyền đó⁶.

Mặc dù đã có vài công trình đề cập, thế nhưng sự tồn tại và ảnh hưởng của tín ngưỡng này đến đời sống tâm linh của tín đồ các tôn giáo nội sinh Nam Bộ, cũng như đến đời sống văn hóa - xã hội của cư dân Nam Bộ nói chung, vẫn còn khá mới lạ trong nhận thức của nhiều người, cần được tiếp tục nghiên cứu thêm để có cái nhìn đầy đủ và rõ nét. Vì vậy, bài viết này tiếp tục vén mở những phát hiện mới nhất về diện mạo và tác động của tín ngưỡng này đến một tôn giáo nội sinh miền Tây Nam Bộ là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

NỘI DUNG CHÍNH

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong kinh điển và giáo lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Có thể nói, muốn tìm hiểu hệ thống tư tưởng, giáo lý của một tôn giáo, nhất thiết phải khảo sát hệ thống thư tịch, mà trọng tâm là hệ thống kinh điển, của tôn giáo đó. Nguồn gốc của hệ thống thư tịch này là một trong những cứ liệu quan trọng để xác định nguồn gốc ra đời của một nền tôn giáo. Tương tự, hệ thống kinh điển của một tôn giáo có khả năng dẫn xuất nguồn mạch giáo thuyết và tín điều của tôn giáo đó. Nó cho thấy sự kết nối sâu xa giữa một tôn giáo mới hình thành với các trường phái tư tưởng học thuật, hay thậm chí là các tôn giáo - tín ngưỡng đã tồn tại trước đó.

Trong các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tôn giáo có hệ thống thư tịch Hán Nôm, đặc biệt là hệ thống kinh điển, phong phú và phức tạp nhất. Qua hệ thống kinh điển này, ta nhận thấy mối liên hệ mật thiết và phức tạp về mặt giáo

thuyết giữa đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian phổ biến ở khu vực Hoa Nam (Trung Quốc). Học giả Đài Loan Chung Vân Oanh (Yun-Ying Chung) trong công trình “Sự vận dụng và chuyển hóa kinh điển Phật giáo của giáo phái dân gian Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Việt Nam” có chia hệ thống thư tịch Hán Nôm của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra làm ba loại lớn: (1) Kinh sách do Đức Bốn Sư Ngô Lợi và ông Tam Giáo Hòa Lâu Nguyễn Hội Chơn sáng tác trong thời kỳ đầu lập đạo (gồm kinh sách nội bộ bí truyền do 24 ông gánh lưu giữ và kinh sách phổ biến cho tín đồ đọc tụng và sao chép); (2) Kinh điển Phật giáo đại thừa từ Trung Quốc truyền sang; (3) Kinh sách vốn là thiện thư^a, loan thư^b ra đời trong dân gian qua nhiều thời kỳ khác nhau từ Trung Quốc truyền sang. Qua hệ thống kinh điển phong phú này, ta nhận thấy tư tưởng, giáo lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là sự dung hòa ba nguồn mạch tôn giáo truyền thống Đông Á Nho - Phật - Đạo, cùng tín ngưỡng thần thánh dân gian Trung Quốc và tín ngưỡng dân gian bản địa Việt Nam⁷.

Trong nhóm thư tịch thứ ba, tức các loại thiện thư, loan thư ra đời gắn liền với các hình thái tín ngưỡng dân gian ở Trung Quốc, được giáo chủ Ngô Lợi tiếp nhận và dung nạp vào hệ thống kinh điển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, có một số quyển kinh liên quan đến *Kinh Ngũ Công* của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật ở Trung Quốc. Đó là các quyển *Ngũ Công thiên đồ kinh* (五公天圖經), *Ngũ Công cứu kiếp kinh* (五公救劫經), *Ngũ Công Quan Âm kinh* (五公觀音經), *Ngũ Công bát nhã kinh* (五公般若經), v.v. Mặc dù không phải là những quyển kinh quan trọng và phổ biến rộng rãi nhất được tín đồ đọc tụng hằng ngày như *Bà la ni kinh*, *Hiếu nghĩa kinh*, *Linh Sơn hội thượng kinh*, *Siêu thăng kinh*,

^aThiện thư 善書: loại sách khuyến thiện, lưu truyền trong dân gian ở Trung Quốc, hướng đến mục đích khuyên người đời tích cực hành thiện, lánh xa điều ác. Loại sách này thường có nguồn gốc thiêng liêng, do thần linh thác mộng hoặc giáng cơ biên chép ra, được các thiện dân hoặc thiện đường ấn tống và phát hành miễn phí đến đông đảo tín chúng. Thiện thư được xem là kinh điển lưu hành trong các đoàn thể Đạo giáo, Phật giáo hay Nho giáo dân gian ở Trung Quốc, đặc biệt là các tôn giáo mới xây dựng giáo lý trên nền tảng tư tưởng tam giáo. Nội dung thường tuyên dương niềm tin về nhân quả báo ứng, luân hồi chuyển thế, đối nhân xử thế, giá trị quan tôn giáo, v.v. Những bộ thiện thư được nhiều người biết đến như: *Thái thượng cảm ứng thiên*, *Văn Xương Đế Quân âm chất văn*, *Quan Thánh Đế Quân giáng thế chân kinh*, *Liễu phàm tử huấn*, *Ngọc lịch bảo sao*, v.v.

^bLoan thư 鸞書: sách tập hợp các bài thơ, văn, kệ của thần tiên giáng bút thông qua nghi thức phò cơ ở các loan đàn, sau được tín chúng quyền góp xuất bản thành sách phát hành rộng rãi. Sách này trở thành kinh điển chính thức sử dụng để đọc tụng tại các loan đàn, làm đề tài thuyết giảng trong nội bộ chi phái hoặc làm sách tham khảo để tăng trưởng niềm tin của tín chúng. Nội dung của loan thư là lời giáo huấn của từng vị Phật tiên thánh thần giáng bút cụ thể, răn dạy về luân lý đạo đức của Nho giáo hoặc nhân quả báo ứng của Phật giáo. Một số bộ loan thư nổi tiếng như: *Hoán tình tân dân*, *Từ hàng bảo phiệt*, *Giác ngộ tuyên tân*, *Tinh thể quy chân*, *Phổ hóa chân kinh*, *Tinh thể kim chung*, v.v.

Phổ độ kinh, Thiên địa kim cương kinh, Hườn sanh hườn hôn kinh, Bắc đầu thất nguơn kinh, Kim cương thọ mạng kinh, Phật thuyết thọ sanh kinh, v.v., thế nhưng các quyển kinh này có quan hệ mật thiết đến những giáo thuyết trọng tâm là thuyết “mạt kiếp”, “tận thế” và “hội Long Hoa” của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Học giả Đinh Văn Hạnh trong công trình *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867-1975)* cũng có chú ý đến mấy quyển kinh này. Ông viết: “*Ngũ Công thiên đồ kinh* (ghi những điều tiên tri về thế giới, về Việt Nam, ý nghĩa bí hiểm, khó hiểu vì lối ẩn ý chiết tự...), *Ngũ Công cứu kiếp kinh* và *Ngũ Công Quan Âm kinh*. Theo nội dung ba bộ kinh Ngũ Công (gọi tắt) thì đó là năm vị Phật: Đường Công Vương Phật, Hóa Công Vương Phật, Lăng Công Vương Phật, Chí Công Vương Phật, Bửu Công Vương Phật. Mỗi bộ Ngũ Công đều có hàng chục đạo phù (lá bùa thần linh). Tín đồ gọi là Ông Bùa. Khả năng hiểu biết, khai thác và nói về ý nghĩa của các Ông Bùa này, hiện nay còn rất hạn chế trong hàng ngũ chức sắc đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa” [8, tr.82-83]. Như vậy, trong khi tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật giữ vai trò trung tâm chi phối hầu như toàn bộ giáo lý tư tưởng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, thông qua bản *Kinh Năm Ông* bằng chữ Nôm và nhiều sấm giảng khác tuyên thuyết lại tín điều trong *Kinh Ngũ Công*, thì trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật chỉ là một bộ phận quan trọng bên cạnh rất nhiều kinh điển khác, nhấn mạnh nội dung “mạt kiếp” trong hệ thống giáo thuyết vốn rất phức tạp của tôn giáo này.

Ngũ Công thiên đồ kinh (五公天圖經) là tên gọi thông dụng mà tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đặt cho quyển *Đại thánh Ngũ Công hải nguyên cứu kiếp chuyển thiên đồ kinh* (大聖五公海元救劫轉天圖經), một trong những truyền bản phổ biến nhất của *Kinh Ngũ Công* ở Trung Quốc. Khảo sát một bản chép tay ghi ngày sao chép là ngày 15 tháng 9 năm Quý Mùi (2003) được lưu giữ tại nhà một tín đồ cao niên, chúng tôi nhận thấy, ngoài phần kinh văn sao chép toàn bộ nội dung từ nguyên bản của Trung Quốc, còn có phần “Khai kinh kệ”, “Bạch Y Quán Âm thần chú”, “Tiêu tai thoát nạn chú”, “Kinh cứu khổ”, “Phát nguyện văn”, “Bái nguyện”, “Bổ khuyết tâm kinh”, “Bổ khuyết chân ngôn”, v.v. Đây rõ ràng là các nội dung được Đức Bốn Sư hoặc các cao đồ thời kỳ đầu thêm vào, vừa mô phỏng hình thức thể hiện của kinh điển Phật giáo nhằm gia tăng tính chính thống của quyển kinh, vừa đáp ứng yêu cầu hành trì trong nghi thức đọc tụng thường nhật của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đáng chú ý là quyển kinh này toàn bộ dùng danh xưng Khang Công Vương Phật (康公王佛) thay vì Đường Công Vương Phật (唐公王佛) như nhiều

phiên bản *Kinh Ngũ Công* khác^c. Một điều thú vị nữa là ngoài xưng tụng danh hiệu năm vị Phật trong Ngũ Công Vương Phật, quyển kinh này còn thêm vào danh hiệu của đông đảo chư Phật, bồ tát, thần thánh vốn có trong tín ngưỡng đa thần của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khiến cho quyển kinh vừa mang tính riêng biệt, vừa mang tính phổ quát của kinh điển tôn giáo này nói chung.

Ngũ Công cứu kiếp kinh (五公救劫經), còn gọi là *Ngũ Công cứu kiếp chơn kinh*, là một truyền bản khác của *Kinh Ngũ Công*, có nội dung tiên tri về thời kỳ mạt kiếp sắp diễn ra và khuyên nhủ người đời hướng thiện tu hành để vượt qua kiếp nạn. Chúng tôi khảo sát một bản chép tay của nam cư sĩ Bùi Văn Đạt sao y từ một bản khác vào ngày 15 tháng 2 mùa xuân năm Tân Tỵ (2001), nhận thấy nội dung quyển kinh đại thể tương tự quyển *Ngũ Công thiên đồ kinh* nói trên, tuy nhiên phần kinh văn được sắp xếp và diễn đạt lại hoàn toàn mới. Đầu quyển kinh là đoạn sấm kệ nói bóng gió mơ hồ về cảnh chiến tranh loạn lạc xảy ra tại một số địa phương của vùng Hoa Nam (Trung Quốc): “Hòa thiếu Lục Hợp tháp/ Sa áp Tiên Đường huyện/ Lạc Dương sa binh/ Tuyền Nam công khanh/ Giang Nam xuất thánh/ Chương Tuyền tác kích”^d. Tiếp đó là chuyện Ngũ Công bồ tát họp nhau tại núi Thiên Thai ban hành quyển kinh dự đoán mạt kiếp cận kề, thế gian lâm khổ nạn, đồng thời khuyên khắp thiện nam tín nữ ngày đêm đọc tụng, biên chép quyển kinh lưu truyền, đeo bùa Ngũ Công để được cứu độ qua khỏi kiếp nạn, đến năm Dân Mão sẽ thấy cảnh thái bình. Sau đó là phần kệ viết (偈曰) lần lượt của các vị Bửu Công, Chí Công, Hóa Công, Lăng Công, Khang Công. Sau phần kinh văn có phần *Hồ Tiên sĩ chân ngôn, Ngũ Công chú* và *Quan Âm chú*. Cuối quyển kinh có đính kèm phần *Ngũ Công cứu thế phù* và *Bổ khuyết tâm kinh, Bổ khuyết chân ngôn, Phúng kinh văn*. Đáng chú ý là quyển kinh này đều dùng Khang Công bồ tát để chỉ Đường Công bồ tát, nhiều danh hiệu gắn liền với các cuộc khởi nghĩa nông dân thời Ngũ Đại Thập Quốc được nhắc đi nhắc lại, nhất là danh xưng “La Bình hiệu”^e và “Tây Sơn đình”⁹.

^cTrong quá trình lưu truyền *Kinh Ngũ Công* ở Trung Quốc, do việc sao chép hoặc nhận diện chữ Hán bị nhầm lẫn, nên trong nhiều phiên bản *Kinh Ngũ Công*, chữ Đường (唐) bị đọc nhầm là chữ Khang (康) do hai chữ này có tự dạng gần giống nhau, nhất là khi viết tay, dẫn đến một vị trong Ngũ Công Vương Phật là Đường Công Vương Phật bị viết nhầm là Khang Công Vương Phật trong một số truyền bản.

^dTrong phần chính văn của quyển kinh cũng xuất hiện nhiều địa danh của Trung Quốc như Tiên Đường (tỉnh Chiết Giang), Lạc Dương (tỉnh Hà Nam), Giang Nam (khu vực phía nam trung lưu và hạ lưu sông Trường Giang), Chương Tuyền (Chương Châu và Tuyền Châu, tỉnh Phúc Kiến).

^eLa Bình (羅平): niên hiệu hoàng đế dưới thời trị vì của Cừu Phủ (裘甫), một thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân ở Chiết Đông (Chiết Giang, Trung Quốc) dưới thời nhà Đường. Niên hiệu tự xưng này chỉ kéo dài 05 tháng, từ tháng 2 đến tháng 6 năm 860.

Trong các quyển kinh này, Ngũ Công Vương Phật được mô tả có lòng từ bi lân mẫn, thương xót chúng sanh, nên giáng hạ trần gian thuyết giảng kinh điển, giáo huấn người đời tu hành vượt qua kiếp nạn. *Ngũ Công bát nhâ kinh* cho biết, Ngũ Công Vương Phật giữ vai trò trấn giữ ngũ phương, đồng thời hóa giải những hoạn nạn do dịch bệnh, binh đao, đạo tặc, tà ma, tinh quái, oan gia, ác mộng, v.v.: “Chí Công trấn trung ương trấn ôn hoàng dịch lệ, Lăng Công trấn đông phương trừ đao binh đạo tặc, Bửu Công trấn tây phương đoạn tà ma tinh quái, Hóa Công trấn nam phương cấm khẩu thiết ma quỷ, Đường Công trấn bắc phương giải oan gia ác mộng” (志公鎮中央斬瘟癘疫癘, 朗公鎮東方除刀兵盜賊, 寶公鎮西方斷邪魔精怪, 化公鎮南方禁口舌魔鬼, 唐公鎮北方解冤家惡夢)¹⁰. Cuối các quyển kinh trên đều đính kèm nhiều đồ hình bùa chú của các vị trong Ngũ Công Vương Phật. Số bùa chú này được nhiều quyển kinh ca ngợi về công năng và thần lực phi phàm, chẳng hạn trong *Ngũ Công bát nhâ kinh* có viết: “Cung thỉnh Thái Thượng Lão Quân, Phổ Am tổ sư, Ngũ Công Vương Phật linh ứng giáng thần phù, chú viết: Sắc Ngũ Công chi phù, phù chỉ thiên thiên thanh, phù chỉ địa địa linh, phù chỉ nhân nhân trường sinh, phù chỉ quỷ quỷ diệt hình” (恭請太上老君, 普菴祖師, 五公王佛靈應降神符, 咒曰: 勒五公勒五公之符, 符指天天清, 符指地地靈, 符指人人長生, 符指鬼鬼滅形)¹⁰.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có mối quan hệ khăng khít về mặt nguồn mạch giáo pháp với các tôn giáo bí mật và các hội kín vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Hệ thống thư tịch và kinh điển đặc biệt phong phú, hệ thống lễ tục thường niên đa dạng và phức tạp, hệ thống nghi thức thờ tự chín chu và cầu kỳ, v.v. là những bằng chứng thuyết phục chứng minh điều đó. Truyền kể truyền khẩu của các tín đồ cao niên về mối quan hệ mật thiết giữa Đức Bốn Sư Ngô Lợi với các thủ lĩnh hội kín Nam Kỳ, hay việc một vị thủ lĩnh trong số đó là Nguyễn Hội Chơn thường xuyên cung cấp kinh sách có nguồn gốc Trung Hoa cho Ngô Lợi, là những gợi mở thú vị về nguồn gốc giáo pháp đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thậm chí cả cội nguồn gốc gác thật sự của ngài Ngô Lợi cùng một số đại đệ tử của ông.

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong nghi thức nhập đạo, thờ tự và sinh hoạt của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Như trên có nói, trong hệ thống kinh điển phong phú của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, các truyền bản *Kinh Ngũ Công* là một bộ phận quan trọng, cho thấy tôn giáo nội sinh này đã tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng giáo lý của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật. Tuy nhiên, khác

với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn dung nạp rộng rãi nhiều kinh điển của tam giáo Nho - Phật - Lão, cũng như tiếp nhận thêm các loại thiện thư và loan thư trong dân gian ở Trung Quốc, khiến hệ thống tư tưởng giáo lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phức tạp hơn nhiều so với giáo lý của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Nói cách khác, các truyền bản *Kinh Ngũ Công* chỉ là một phần quan trọng trong giáo lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, bên cạnh nhiều nhóm kinh điển quan trọng khác.

Trong nghi thức nhập đạo của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đặc trưng của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật cũng được thể hiện khá rõ rệt. Tín chúng sau thời gian tìm hiểu muốn được nhập đạo phải tìm đến ông trưởng gánh (ông trò) của một trong số 24 gánh để xin thọ giáo. Nếu được chấp nhận, người đó phải sấm sửa lễ vật đến chùa Tam Bửu và Tam Bửu gia của gánh đó để lễ bái và phát nguyện, đồng thời được trưởng gánh phát cho bộ lòng phái. Nhà nghiên cứu Đinh Văn Hạnh cho biết: “Trưởng gánh phát cho tín đồ mới bộ lòng phái (gọi là thọ phái) gồm: lòng phái, thái kiệt, thể độ, tiên sinh, trấn điều. Đứng ba năm sau kể từ ngày thọ phái, tín đồ được trưởng gánh cho nhận thêm bùa đời” [8, tr.74]. Tín đồ sau khi nhận được lòng phái phải tín cần mang theo bên người để được tổ sư và thần thánh phù hộ, đến lúc quá vãng cũng phải mang theo để được siêu thăng về lạc cảnh. Chúng tôi cho rằng, ngoài những công năng trên, lòng phái còn là tín vật để đồng đạo nhận diện nhau và hết lòng tương trợ lẫn nhau. Đáng chú ý là nội dung trên lòng phái nhiều lần xuất hiện danh hiệu của các vị trong Ngũ Công Vương Phật.

Chẳng hạn, trên tờ lòng phái chính (xem Hình 1) có ghi các dòng chữ Hán: “Nam mô Chí Công Quan Âm, Nam mô Đường Công Chơn Như, Nam mô Hóa Công Tây Châu, Nam mô Bửu Công Lăng Công” (南無志公觀音, 南無唐公真如, 南無化公西洲, 南無寶公朗公); hoặc trên tờ thể độ (xem Hình 2) có ghi dòng chữ Hán: “Nam mô Đông phương Thanh Đế Chí Công Vương Phật, Nam mô Nam phương Xích Đế Bửu Công Vương Phật” (南無東方青帝志公王佛, 南無南方赤帝寶公王佛); kết hợp với nhiều dòng chữ khác và đồ hình bùa chú cho thấy, trong niềm tin của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Ngũ Công Vương Phật có chức năng hộ mạng, đuổi tà, diệt yêu, tiêu trừ ôn dịch, v.v. Do bộ lòng phái của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa có một vài điểm giống “hồng phái” của Thiên Địa Hội nên nhiều học giả, trong đó có Sơn Nam, cho rằng nghi thức nhập đạo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa chịu ảnh hưởng của tổ chức Thiên Địa Hội của người Hoa.

Về nghi thức thờ tự tại tư gia, phần lớn tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều thiết lập bàn thờ Ngũ Công Vương



Hình 1: Tờ lòng phái chính[Nguồn: Tác giả]



Hình 2: Tờ thể độ[Nguồn: Tác giả]

Phật, vị trí ở phía trước chánh điện tựa vào cửa giữa^f. Trên bàn thờ này thường treo một tấm vải đỏ hoặc tờ giấy đỏ có ghi dòng chữ Hán “Ngũ Công Vương Phật” (五公王佛), dân gian quen gọi là “Chư Vị Năm Ông”. Về sau, để tránh người lạ dòm ngó, nhiều gia đình tín đồ chỉ đặt bàn thờ tượng trưng chứ không bày biện thờ cúng như trước nữa, thậm chí nhiều tín đồ đến nay cũng không biết rõ đó là bàn thờ Ngũ Công Vương Phật. Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa cổ cựu đến nay còn giữ nhiều điều cấm kỵ liên quan đến tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đời sống

^fNhà của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo nguyên tắc xây dựng truyền thống thường có ba cửa, hai cửa bên là lối ra vào của tín đồ nam nữ trong nhà và vong linh người quá cố, còn cửa giữa là lối ra vào của các đấng thần thánh tiên Phật được thờ tự. Ngày thường, cửa giữa được đóng lại như bức tường che kín bàn thờ Ngũ Công Vương Phật. Đây là nội dung của kết quả phỏng vấn do tác giả thực hiện vào ngày 15/8/2018 tại Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang.

thường nhật. Chẳng hạn, danh hiệu của các vị Phật này chỉ được đọc tụng trong lúc tụng kinh lễ bái, ngoài ra tránh việc phạm húy trong lời nói giao tiếp, như trường hợp “đường” (để ăn) trùng với danh hiệu “Đường Công” nên phải gọi tránh thành “ngọt”, hay “đường” (để đi) phải gọi tránh thành “lộ”; hoặc tất cả những từ liên quan đến “công” đều phải đọc tránh thành “cung”, “cuồng” hay “vuông” (“một công đất” nói tránh thành “một vuông đất”) [4, tr.65-78].

Trong lễ cúng tại gia đình của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, các truyền bản của *Kinh Ngũ Công* (*Ngũ Công thiên đồ kinh*, *Ngũ Công cứu kiếp kinh*, *Ngũ Công Quán Âm kinh*, *Ngũ Công bát nhã kinh*, v.v.) cũng như nhiều bộ kinh quan trọng khác (như *Âm Chất chơn kinh*, v.v.) bị cấm mang ra đọc tụng, vì tín đồ cho rằng nhà riêng của mình là nơi không đủ tinh khiết và sạch sẽ như ở trong chùa, nên không đủ điều kiện để trì tụng các quyển kinh đó [8, tr.213]. Mặc dù vậy, trong một số nghi thức lễ bái và trì tụng, danh hiệu Ngũ Công Vương Phật cũng được nhắc đến khi tín đồ tiến hành xưng tán danh hiệu của chư Phật và Bồ Tát, chẳng hạn “Phụng thỉnh Ngũ Công Phật Bồ Tát”, “Phụng thỉnh Chí Công Vương Phật”, “Phụng thỉnh Đường Công Vương Phật” (奉請五公伏菩薩, 奉請志公王伏, 奉請唐公王伏). Điều này vô hình trung đã đặt Ngũ Công Vương Phật là những vị Phật, Bồ Tát ngang hàng với nhiều vị Phật, Bồ Tát quen thuộc khác đã có trong kinh điển đại thừa như Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Di Lặc, Bồ Tát Quán Thế Âm, v.v. Đáng chú ý hơn, trong nhiều danh hiệu được xưng tán, Ngũ Công Vương Phật được mô tả có thần lực phi thường, pháp thuật cao siêu: “Nam mô nhất bộ thiên lý Chí Công Vương Phật/ Nam mô di sơn đảo hải Lăng Công Vương Phật/ Nam mô thân tùy kiếm pháp Bửu Công Vương Phật/ Nam mô hóa long hiện hổ Hóa Công Vương Phật/ Nam mô hô phong hoán vũ Đường Công Vương Phật” (南無一步千里志公王伏, 南無移山倒海朗公王伏, 南無身隨劍法寶公王伏, 南無化龍現虎化公王伏, 南無呼風喚雨唐公王伏)¹⁰.

Có thể thấy, tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật hiện diện trong nhiều phương diện đời sống sinh hoạt lẫn hoạt động tôn giáo tín ngưỡng của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đồng thời nhận được sự tôn kính và quy phục của đồng đạo tín đồ theo tôn giáo này.

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong phong trào đấu tranh chống Pháp của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, giáo chủ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và đồng đạo tín chúng đã hưởng ứng lời hiệu triệu chống Pháp của các chí sĩ đương thời, tích cực tham gia vào các cuộc

vận động chính trị, đặc biệt từ sau khi vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương năm 1885, phong trào chống Pháp ngày càng quyết liệt. Để gia tăng sức chiến đấu ngoan cường cho nghĩa quân, nhiều tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã phải tu luyện phép thuật, nhất là bùa chú Ngũ Công Vương Phật để có thể ẩn thân, tích cốc, súng bắn không thủng, sai đậu thành binh, v.v.

Nhiều tài liệu đã ghi chép về các phong trào kháng Pháp của nghĩa quân Nam Kỳ vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ XIX, trong đó có các nghĩa sĩ vốn là tín đồ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Vào thời điểm đó, các lực lượng chống Pháp của người Việt này cũng đã liên kết chặt chẽ với các nhóm nghĩa binh Campuchia nổi dậy chống Pháp hoặc triều đình Campuchia thân Pháp. Như trường hợp một nhân sĩ có tên là Achar Sva (sử Việt gọi là Ong Bướm) không chấp nhận sự cai trị của Pháp, đã lãnh đạo nhân dân hai tỉnh Kampot và Takeo, giáp ranh biên giới An Giang của Việt Nam ngày nay, nổi dậy đấu tranh vũ trang. Cuối năm 1863, Achar Sva kéo quân sang Thất Sơn⁸, nơi có đông đảo người Khmer cư trú, để lập căn cứ kháng chiến lâu dài. Để vận động quần chúng được thuận lợi, Achar Sva tự xưng là thân vương của vua Norodom, thậm chí mang màu sắc huyền hoặc là “người trời” (thiên tử) để quy tụ tín đồ. Trong khi đó, *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cho rằng Achar Sva và Norodom là anh em, vì tranh chấp quyền lực nên nhân cơ hội này nổi dậy vừa chống Pháp vừa chống lại vương triều Norodom¹¹. Achar Sva đã liên kết với các nhân sĩ yêu nước chống Pháp ở Thất Sơn và Nam Kỳ (như Thủ khoa Huân) để gia tăng sức mạnh. Dưới sức ép của thực dân Pháp, chính quyền Tự Đức đã phải hỗ trợ bắt Achar Sva, cuộc khởi nghĩa này kéo dài được 03 năm thì thất bại¹².

Tiếp theo là cuộc khởi nghĩa do Pou Kompo lãnh đạo, diễn ra trong 02 năm 1866-1867. Pou Kompo vốn là tu sĩ Phật giáo, tự nhận là hoàng tử con vua Ang Chan, tập hợp đông đảo người Khmer, Chăm và Việt một mặt chống lại vua Norodom, một mặt chống lại thực dân Pháp đang cai trị ở Campuchia và Nam Kỳ (Việt Nam). Sự kết hợp chặt chẽ với quân của Trương Quyền (con Trương Định) và nghĩa quân từ các phong trào kháng Pháp khác bị suy yếu (như Thủ khoa Huân, Achar Sva, Võ Duy Dương, v.v.), khiến cho quân Pou Kompo ngày một lớn mạnh ở vùng biên giới Việt -

Campuchia từ Đồng Tháp Mười đến Tây Ninh, làm cho quân đội thực dân Pháp bị hao tổn và phải rất khó khăn mới có thể dập tắt được.

Tiếp theo sau đó, “lực lượng của Si Vatha đã kết hợp với nghĩa binh của Năm Thiếp (tức Đức Bốn Sư Ngô Lợi) đánh Pháp” [⁸, tr.334]. Với giáo lý đề cao tứ ân, bao gồm ân tam bảo, ân tổ tiên cha mẹ, ân quốc vương thủy thổ, ân đồng bào nhân loại, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa mang tinh thần nhập thế cao độ. Trong đó, việc đền ân quốc vương thủy thổ gắn liền với nghĩa vụ đấu tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ bờ cõi, hộ quốc an dân, là điều mà tín đồ luôn tâm niệm. Ngay trong hệ thống kinh điển lưu truyền nội bộ của tôn giáo này, thái độ thần phục đối với triều đình, luôn luôn thể hiện rõ qua cặp câu đối khai quyền xuất hiện ở đầu mỗi bộ kinh: “Hoàng đồ cùng cố, để đạo hà xương; Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển” (皇圖鞏固、帝道遐昌、佛日增輝、法輪常轉) hoặc “Thượng chúc đương kim quốc vương thánh thọ vô cương, Hạ tứ văn võ quan liêu cao tăng tước vị” (上祝當今國王聖壽無疆、下資文武官僚高增爵位). Điều đáng chú ý là triều đình được đề cập ở đây không hẳn là triều đình nhà Nguyễn, mà có thể là một “triều đình mới” nào đó do nội bộ các đạo sĩ xác lập. Bộ sách *Ngọc lịch đồ thơ tập chú* của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có chép “đức Phật Vương là Trần Liêm, đức Phật Thầy tên Trần Nguyên, đức Bốn Sư là Ngô (húy) Viện, đức Phật Trùm tên Trần Hữu Lễ, đức Phật Hòa Lầu là Nguyễn Hội Chơn” (nguyên văn: 伏王陳廉, 伏柴陳原, 本師吳諱院, 伏陳有禮 伏火樓阮會真)¹³. Vô hình trung, chúng ta có thể hiểu, ở thời điểm bộ sách này ra đời, một nhân vật tên Trần Liêm được dựng lên đóng vai trò một đấng “minh vương thánh đức” sẽ xuất hiện trong tương lai. Đương nhiên, đấng “minh vương thánh đức” mà tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và các hội kín về sau trông chờ không phải cùng một vị mà luôn thay đổi tùy thời điểm và tùy từng đoàn thể tôn giáo. Theo Sơn Nam, sau khi bốn thôn An Định, An Hòa, An Thành, An Lập được khai khẩn cơ bản, tín đồ và nghĩa sĩ các nơi quy tụ về đây ngày một đông, họ muốn vào chốn thâm sơn cùng cốc này để xây dựng một cuộc đời mới dưới sự trị vì của một đấng quân vương được Phật sai xuống cứu đời. Từ giai đoạn 1880-1885, Núi Tượng trở thành một “Lương Sơn Bạc” thu hút đông đảo nghĩa sĩ vốn là tàn quân trong các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, v.v. đến từ khắp nơi của Nam Kỳ. Dưới sự dẫn dắt của ngài Ngô Lợi, tín chúng vừa làm vừa tu, vừa tích trữ lương thực vũ khí, vừa rèn luyện bùa chú võ nghệ để chờ thời cơ đánh đuổi kẻ thù. Nhiều cuộc hội họp các nghĩa sĩ cốt cán dưới danh nghĩa “làm chay” được tổ chức, nhiều cuộc nổi dậy cũng lần lượt nổ ra,

⁸Ngày nay, trên núi Cẩm có một võ đá mang tên Võ Ong Bướm, tương truyền là nơi quân lính của Achar va đồn trú để xây dựng lực lượng. Trong dân gian cũng lưu truyền câu chuyện Achar Sva (Ong Bướm) thường xua quân cướp bóc xứ Láng Cháy, bị đội quân ông Trần Văn Thành đánh bại, nên quy phục làm đệ tử Phật Thầy Tây An và tu hành đắc đạo. Câu chuyện này vô hình trung cho thấy mối quan hệ khăng khít giữa nghĩa quân Achar Sva với nghĩa quân của Bửu Sơn Kỳ Hương và Bình Gia Nghé của Trần Văn Thành.

nhưng tất cả đều bị mật thám theo dõi và quân đội thực dân nhanh chóng đàn áp. Chúng cho người truy bắt ngài Ngô Lợi nhiều lần nhưng không được, bèn kéo nhau vào Núi Tượng phá hủy chùa chiền và giải tán tín đồ¹⁴. Điều này cũng từng được Nguyễn Liên Phong ghi nhận trong *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca* qua những câu: “Sau thêm Ong, Khả lấy lưng/ Roi mây ngựa chuối giăng giăng khởi cùng/ Dối rằng phép lạ Năm Ông/ Bùa linh hiển hách sủng không làm gì/ Dân lành chẳng hiểu việc chi/ Ngõ là diệu pháp vậy thì rừng theo” [¹⁵, tr.68].

Georges Coulet, một tác giả Pháp sống ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, trong quyển *Hội kín xứ An Nam*, đã ghi chép khá chi tiết mối quan hệ giữa các ông đạo vùng Thất Sơn và Tà Lơn (Campuchia) với các hội kín chống Pháp ở Nam Kỳ, trong đó có cả người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là Đức Bốn Sư Ngô Lợi. Quyển sách cung cấp nhiều bằng chứng thuyết phục gồm công văn, giấy tờ, cáo trạng, phán quyết của tòa án và chính quyền thực dân Pháp; cũng như thư từ, sách vở, kinh kệ, bùa chú, ấn ký của các ông đạo và tổ chức chống Pháp đương thời. Tất cả cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật vào phong trào đấu tranh chống Pháp của giới chí sĩ và tu sĩ yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX¹⁶.

Có thể thấy, những tín điều trong *Kinh Ngũ Công* và bùa chú Năm Ông thuộc tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật đã trở thành một vũ khí tinh thần lợi hại, không những quy tụ được đông đảo tín chúng mà còn hun đúc thêm sức mạnh cho nghĩa quân đối đầu với kẻ thù có vũ khí hiện đại. Điều này cũng được thấy ở nghĩa quân Bình Gia Nghị của Trần Văn Thành trong cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa ở Láng Linh.

KẾT LUẬN

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được xem là tôn giáo nội sinh thứ hai ra đời ở Nam Bộ sau đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đồng thời có mối quan hệ tông chỉ mật thiết với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Giữa hai tôn giáo có nhiều điểm chung, cũng có nhiều điểm khác biệt. Về điểm khác biệt, nếu đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chủ trương sự giản đơn tiện lợi trong nghi thức và tu niệm thì đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có hệ thống lễ tục, kinh điển, nghi thức thờ cúng, trì tụng và tu luyện rất đa dạng và phức tạp. Nếu đạo Bửu Sơn Kỳ Hương chủ trương sử dụng sấm giảng chữ Nôm, tức lời ăn tiếng nói của người Việt để truyền đạo thì đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa chủ yếu sử dụng hệ thống kinh điển Hán văn của tam giáo Nho - Phật - Lão mà phần nhiều từ Trung Hoa truyền sang. Nếu đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có vẻ như là một tổ chức tôn giáo của người Việt bản địa thì đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có dáng dấp của một đoàn thể tôn giáo chịu nhiều ảnh hưởng của tôn giáo bí mật và hội kín Hoa Nam.

Về điểm chung, cả hai cùng tiếp nhận ảnh hưởng của tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật, mang hoài bão hộ quốc an dân và tích cực đấu tranh chống chính quyền thực dân đô hộ, cùng sử dụng bùa chú Năm Ông như một công cụ chữa bệnh độ chúng và quy tụ tín đồ, cùng có mối quan hệ mật thiết với các ông đạo tu luyện ở vùng Thất Sơn và Tà Lơn.

Các tôn giáo bí mật, hội kín Hoa Nam và các tôn giáo nội sinh Nam Bộ đều gặp nhau ở một điểm chung là có ý thức chính trị cao, thể hiện sự tôn phò của họ đối với triều đại chính thống hoặc một triều đại lý tưởng sắp ra đời mà kinh sách ngụ ý đã tiên đoán trước. Họ có thể mang hoài bão “phản Thanh phục Minh” ban đầu, rồi bị triều đình Mãn Thanh truy kích phải phiêu dạt sang các nước Đông Nam Á, hoặc mang hoài bão “phản dương phục quốc” (khi liệt cường phương Tây kéo sang xâm lược Trung Hoa thế kỷ XIX), rồi cũng vì thất bại mà phải đào tẩu sang các nước Đông Nam Á. Đến vùng đất mới, họ vẫn nuôi kỳ vọng xây dựng lực lượng, chờ ngày về cố quốc phục hưng đất nước. Thế nhưng, hiện thực chiến tranh liên miên giữa nhiều thế lực thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, thời Nguyễn Ánh - Tây Sơn, thời thực dân Pháp xâm lược và cai trị Việt Nam, cùng những cuộc tiếp xúc với các nghĩa sĩ yêu nước bản địa, đã lôi cuốn họ vào các trào lưu cách mạng tại bản xứ. Các tôn giáo bản địa và hội kín mới tại Nam Bộ lần lượt ra đời, lý tưởng của các nhân sĩ tôn giáo Trung Hoa gặp gỡ với lý tưởng của các chí sĩ tôn giáo Việt Nam, cùng chung điểm tương đồng về sự tôn sùng ba học thuyết Nho - Phật - Lão, tinh thần ái quốc tôn quân của Nho giáo, cứu nhân độ thế của Phật giáo và tu luyện huyền thuật của Đạo giáo.

Tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật từ Hoa Nam được đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tiếp nhận và vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử và địa lý đặc thù của vùng đất Nam Bộ (Việt Nam). Tín ngưỡng này làm phong phú hơn nội hàm tôn giáo tín ngưỡng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, là nguồn gốc của thuyết hạ ngục mật kiếp, Long Hoa tam hội, minh vương xuất thế, Di Lặc hạ sinh, thiên địa tân tạo, v.v. của giáo lý tu tưởng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa; đồng thời cũng chuyển hóa thành nhận thức và hành động của đông đảo tín chúng trong đời nhân xử thế, trong phong tục lễ nghi tôn giáo và ứng phó với quân xâm lược.

Ngày nay, các bản *Kinh Ngũ Công* vẫn còn lưu hành tàn mạt nhiều nơi ở Trung Quốc. Niềm tin về Ngũ Công Vương Phật sẽ cứu độ thế gian thời “hạ ngục mật kiếp” vẫn còn bàng bạc trong đời sống tín ngưỡng của cư dân vùng Hoa Nam, thỉnh thoảng lại trỗi dậy khi có những biến động lớn xảy ra (như trường hợp dịch bệnh Covid-19 vừa qua). Riêng ở Đài Loan, tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào chống Nhật của tín chúng dưới

thời Nhật trị (1895-1945), nhiều ngôi chùa đến nay vẫn tiếp tục thờ tự Ngũ Công Vương Phật dù niềm tin về “mặt thế” đã có phần phai nhạt đi ít nhiều. Trong khi đó, sự ảnh hưởng của tín ngưỡng này vẫn còn khá đậm nét trong các tôn giáo nội sinh Nam Bộ, vẫn chi phối đến nhân sinh quan, thế giới quan, niềm tin và lễ sống của hàng triệu tín đồ theo đạo ở vùng đất phương Nam.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “Hệ thống tư liệu về tư tưởng Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 2025”, mã số KHXH/CT/2025/03-07 (thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Lịch sử tư tưởng Việt Nam”) do Tiến sĩ Nguyễn Tô Lan làm chủ nhiệm, đơn vị chủ trì Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bài viết không có từ viết tắt.

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết được thực hiện dựa trên những tư liệu thành văn của các nhà nghiên cứu đi trước, cùng với tư liệu điều tra điền dã tại thực địa và tư liệu hồi cố thông qua phỏng vấn sâu trong suốt nhiều năm tác giả quan tâm nghiên cứu chủ đề này (từ năm 2011 đến nay). Công trình này là thành quả nghiên cứu của chính tác giả và không trùng lặp hoàn toàn với các công trình nào khác đã công bố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Takeuchi Fusaji. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Việt Nam và Kinh Ngũ Công: bản về sự giao lưu tôn giáo dân gian Trung – Việt thời cận đại (越南寶山奇香與《五公經》——兼論近代中越民間宗教的交流). In trong Chu Dục Dân (chủ biên). Trung Quốc bí mật xã hội sử luận 《中國秘密社會史論》. Bắc Kinh: Thương Vụ ấn thư quán; 2013.
2. Takeuchi Fusaji. Thiên Địa hội ở Nam Bộ Việt Nam: Văn hóa chính trị ở Việt Nam thời cận đại qua một phong trào dân chúng

(天地會ベトナム南部社會：民衆運動に見るベトナム近代の政治文化). In trong Triều Cảnh Đạt (chủ biên). Văn hóa, tư tưởng chính trị của Nho giáo và Đông Á thời cận đại. Tokyo: Nhà xuất bản Yushi-sha (有志舎); 2018.

3. Takeuchi Fusaji, Tôn Giang (dịch). Khảo về đạo Bửu Sơn Kỳ Hương: Thuyết ‘vương quốc ngàn năm’ của Trung Quốc và tôn giáo dân gian ở Nam Bộ Việt Nam (「寶山奇香」考——中國的千年王國論與越南南部の民間宗教). In trong Tào Tân Vũ (chủ biên). Tân sử học (quyển 10: Biện luận về Nho giáo: Nhận đồng tôn giáo ở Trung Quốc thời cận thế (激辯儒教：近世中國的宗教認同). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục; 2018.

4. Vĩnh Thông. Tục thờ Năm Ông của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. In trong Vĩnh Thông. Dấu ấn thượng châu thổ. TP.HCM: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; 2021.

5. Nguyễn Thanh Phong. Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ Công Vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Nghiên cứu Tôn giáo 2018, 10(178):110-130.

6. Nguyễn Thanh Phong. Hiện tượng ‘gian đạo sĩ’ ở Nam Bộ thế kỷ 19. Nghiên cứu Tôn giáo 2019, 3(183):54-74.

7. Chung Văn Oanh. Sự vận dụng và chuyển hóa kinh điển Phật giáo của giáo phái dân gian Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Việt Nam. Nghiên cứu Văn minh Đông Á 2018, quyển 15, 2(30):69-99.

8. Đinh Văn Hạnh. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867-1975). TP.HCM: Nhà xuất bản Trẻ; 1999.

9. Khuyết danh. Ngũ Công cứu kiếp chơn kinh. Bản chép tay của nam cư sĩ Bùi Văn Đạt sao y từ một bản khác vào ngày 15 tháng 2 mùa xuân năm Tân Tỵ (2001), sách không đánh số trang.

10. Khuyết danh. Ngũ Công bát nhã kinh. Sách chép tay chữ Hán, không rõ người chép, không đánh số trang, lưu hành nội bộ trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Ba Chúc, Trĩ Tôn, An Giang.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ phiên dịch Viện Sử học phiên dịch. Đại Nam thực lục (tập 7). Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2007.

12. Theam, Bun Srun. Cambodia in the Mid-Nineteenth Century: A Quest for Survival. Unpublished dissertation, Australian National University; 1981.

13. Ngô Lợi. Ngọc lịch đồ thơ tập chú (玉曆圖書集註) (3 quyển). Sách chép tay chữ Hán (không đánh số trang), lưu hành nội bộ trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Ba Chúc, Trĩ Tôn, An Giang, thu thập năm 2016.

14. Sơn Nam. Cá tính của miền Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa; 1992.

15. Nguyễn Liên Phong. Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca. Sài Gòn: Nhà xuất bản Phát Toán; 1909.

16. Georges Coulet, Nguyễn Thanh Xuân và Phan Tín Dụng dịch. Hội kín xứ An Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Hội nhà văn; 2019.

The Integration of the Cult of Five Lords Buddha-kings into Tứ Ân Hiếu Nghĩa religion

Nguyen Thanh Phong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The cult of the Five Lords Buddha-king introduced by migrants from South China to Southern Vietnam in the early nineteenth century, exerted a profound influence on several contemporary historical figures such as Tô Quang Xuân, Hà Minh Nhựt, Đoàn Minh Huyền, Ngô Lợi, Tà Ponl, and Nguyễn Phước Thứ. This belief system contributed to the emergence of indigenous religious movements in the southwestern region of Vietnam, including Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa and Hòa Hảo Buddhism. Ngô Lợi, the founder of the Tứ Ân Hiếu Nghĩa religion, assimilated the key elements of this cult. The influence is evident not only in the canon, which shares close textual relationships with the *Sutra of the Five Lords* of China, but also in various initiation rituals, worship practices, and daily religious observances. Furthermore, the cult of the Five Lords Buddha-king became an important source of spiritual support for followers of Tứ Ân Hiếu Nghĩa in their resistance movements against French colonial rule in the late nineteenth century. This study draws upon previous scholarly works, examines Cino-Nôm scriptures of the Tứ Ân Hiếu Nghĩa tradition, and employs qualitative research methods, including field surveys at places of worship and in-depth interviews with senior adherents. The findings elucidate the close interrelationship between the Vietnamese Tứ Ân Hiếu Nghĩa religion and the Chinese cult of the Five Lords Buddha-king.

Key words: Cult of the Five Lords Buddha-kings, Sutra of the Five Lords, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Ngô Lợi

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thanh Phong, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyenthanhphong@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 07-11-2025
- Revised: 12-02-2026
- Accepted: 31-08-2026
- Published Online: 25-09-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1258>



Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Phong N T. **The Integration of the Cult of Five Lords Buddha-kings into Tứ Ân Hiếu Nghĩa religion.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(3):3980-3989.